

Số: 85 /KH-ĐN

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2014

KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2014-2015

I. CĂN CỨ VÀ BỐI CẢNH XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1.1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1.1.1. Kế hoạch phát triển 5 năm phát triển Trường Đại học Đại Nam giai đoạn 2012 – 2017

1.1.2. Các Bộ tiêu chuẩn kiểm định: Bộ tiêu chuẩn kiểm định của AUN-QA; Bộ tiêu chuẩn kiểm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1.1.3. Tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học 2013-2014 và thực trạng nguồn lực của Trường.

1.2. Dự báo bối cảnh phát triển

1.2.1. Mặc dù đã có những dấu hiệu tích cực, song nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phải đối mặt với một loạt các vấn đề liên quan đến ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo sự phát triển bền vững (bền vững kinh tế, bền vững môi trường và bền vững xã hội.....) và nguy cơ rơi vào bẫy thu nhập trung bình thấp. Điều này tạo cho Trường cơ hội có những nghiên cứu và tư vấn chính sách nhằm giải quyết các vấn đề nêu trên.

1.2.2. Hệ thống giáo dục đại học Việt Nam tiếp tục có những đổi mới, đặc biệt là đổi mới trong quản trị đại học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và hiệu quả nghiên cứu khoa học. Điều này sẽ tạo cho Trường những cơ hội phát triển mang tính sáng tạo nhưng bền vững theo hướng chất lượng và đẳng cấp quốc tế.

1.2.3. Trường ĐHĐN đã đạt được một số kết quả phát triển ban đầu và tạo dựng được các điều kiện cần thiết cho sự phát triển ổn định và bền vững trong dài hạn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM HỌC

2.1. Chủ đề năm học

"Phát huy tinh thần đổi mới, tinh chuyên nghiệp, sáng tạo và văn hóa cộng đồng nhằm đạt được mục tiêu Chất lượng và Hiệu quả"

2.2. Phương hướng phát triển



2.2.1. Phát triển mang tính đột phá nhưng bền vững, có trọng tâm, trọng điểm theo hướng chất lượng từ đó nâng cao vị thế và uy tín của Trường.

2.2.2. Chất lượng và hiệu quả; Chuyên nghiệp và văn hóa cộng đồng; Sản phẩm đầu ra... là những thước đo của mọi hoạt động trong Nhà trường, đặc biệt là hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2.2.3. Tiếp tục đổi mới quản trị đại học, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp nhằm khuyến khích, động viên toàn thể cán bộ, giảng viên trong trường đoàn kết, hăng hái, say mê và sáng tạo trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Trường.

2.2.4. Luôn luôn coi việc thu hút, sử dụng, đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện tiên quyết để trường có thể thực hiện được các mục tiêu đặt ra.

2.3. Các nhiệm vụ trọng tâm

Trong năm học 2014-2015, Nhà trường tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới, tinh chuyên nghiệp, sáng tạo để đạt được mục tiêu Chất lượng và Hiệu quả với 4 nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau:

2.3.1. Đào tạo:

- a) Điều chỉnh các chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra và cách tiếp cận CDIO;
- b) Mở mới các ngành đào tạo đại học và sau đại học theo hướng phát triển trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực.

2.3.2. Nghiên cứu khoa học:

- a) Tăng đề tài tài nghiên cứu các cấp, đặc biệt là đề tài cấp bộ và tương đương, tăng các bài báo được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành
- b) Khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học sinh viên

2.3.3. Các điều kiện đảm bảo chất lượng:

- a) Phát triển đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học
- b) Tăng cường trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và đảm bảo điều kiện làm việc cho cán bộ giảng viên nhà trường
- c) Phát triển nguồn thu và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính.

III. CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM HỌC 2014-2015

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014-2015	Ghi chú
I	ĐÀO TẠO			
1.1	Tuyển sinh			
	a) Đại học	SV	1260	
	b) Sau đại học			
	- Thạc sĩ	HV	200	
1.2	Quy mô đào tạo các hệ			
	Trình độ Thạc sĩ	HV		
	Trình độ đại học	SV		
	Trình độ liên thông	SV		
1.3	Tốt nghiệp			
	a) Tỷ lệ SV tốt nghiệp	%	90%	
	- Tỷ lệ SV tốt nghiệp đạt loại khá trở lên	%	75%	
	b) Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên			
	Trình độ Đại học	năm		
	a) Hệ đào tạo 4 năm	năm	4,1	
	b) Hệ đào tạo 5 năm	năm	5,1	
1.4	Việc làm			
A	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 1 năm ra trường	%	95%	
	Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành sau 1 năm ra trường	%	38%	
B	Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 3 năm ra trường	%		
	Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành sau 3 năm ra trường	%		
1.5	Ngành/ chuyên ngành đào tạo			

	Số chuyên ngành đào tạo trình độ đại học mở mới	CN		
	Số chuyên ngành đào tạo trình độ Thạc sĩ mở mới	CN		
1.6	Số chương trình đào tạo rà soát được ban hành			
	Thạc sĩ	CT		
	Cử nhân	CT		
	Liên thông	CT		
1.7	Đào tạo theo phương thức tín chỉ			
	Số ĐCMH theo tín chỉ trình độ Thạc sĩ được ban hành	ĐC		
	Số ĐCMH theo tín chỉ trình độ cử nhân được ban hành	ĐC		
	Số ĐCMH theo tín chỉ trình độ liên thông được ban hành	ĐC		
1.8	Giáo trình, học liệu			
	a) Số giáo trình được biên soạn	Cuốn		
	b) Số sách CK được biên soạn	Cuốn		
	c) Số đầu sách được mua ở nước ngoài	Cuốn		
1.9	Đào tạo phục vụ cộng đồng			
	Số lượng chương trình đào tạo theo hướng tích cực đem lại lợi ích cho xã hội	CT	5	
	Đào tạo các khóa học ngắn hạn	KH/năm	10	
1.10	Tư vấn chia sẻ kinh nghiệm			
	Hội thảo	HT/năm	2	
	Tư vấn hướng nghiệp	Lần/năm	2	
II	NGHIÊN CỨU KHOA HỌC			
2.1	Đề tài NCKH giảng viên	ĐT		

	Đề tài NCKH cấp trường	ĐT	24	
	Đề tài NCKH cấp khoa	ĐT		
2.2	Xuất bản tạp chí	Bài		
	Tạp chí quốc tế	Bài		
	Tạp chí trong nước	Bài		
	Kỷ yếu hội thảo quốc tế	Bài		
	Kỷ yếu hội thảo trong nước	Bài		
2.3	Giáo trình, tài liệu tham khảo			
	Giáo trình	GT		
	Tài liệu tham khảo	TL		
2.4	Hội thảo, Hội nghị khoa học			
	a) Số Hội thảo trong nước và quốc tế được tổ chức	HT		
	- Hội thảo quốc gia			
	- Hội thảo quốc tế			
	b) Số Hội thảo cấp trường	HT		
	c) Số Hội thảo cấp khoa	HT		
	d) Số kỷ yếu Hội thảo được xuất bản	Kỷ yếu		
2.5	Nghiên cứu khoa học sinh viên			
	a) Số công trình NCKH của SV	CT	19	
	b) Giải thưởng SV NCKH	GT		
2.6	Ứng dụng, chuyển giao kết quả NCKH			
	Số công trình NCKH có kết quả NC có địa chỉ ứng dụng và chuyển giao	CT		
2.7	Nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng			
	Đối với giảng viên	ĐT/năm	1	
	Đối với sinh viên	ĐT/năm	30	
III	HỢP TÁC QUỐC TẾ			

	a) Số đối tác quốc tế ký thỏa thuận hợp tác	đối tác	4	
	b) Số đối tác trong nước ký thỏa thuận hợp tác	đối tác		
IV	TỔ CHỨC NHÂN SỰ			
4.1	Bộ máy tổ chức			
	Số đơn vị được thành lập mới	ĐV	5	
4.2	Công tác bổ nhiệm			
	Chức danh BGH, Trưởng khoa, phòng, trung tâm, viện	Ng	2	
	Chức danh Phó Trưởng khoa, phòng, trung tâm, viện	Ng	3	
4.3	Thu hút và tuyển dụng cán bộ			
	Tuyển lãnh đạo quản lý	Ng	5	
	Tuyển GV có trình độ Tiến sĩ	Ng	15	
	Tuyển GV có trình độ Thạc sĩ	Ng	15	
	Tuyển cán bộ nhân viên làm công tác chuyên môn	Ng	10	
4.4	Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển cán bộ			
	Cử cán bộ, giảng viên đi học Thạc sĩ trở lên	CB	6	
	Cán bộ, giảng viên đã hoàn thành chương trình đào tạo và được cấp bằng từ Thạc sĩ trở lên	CB	2	
	Cử hoặc tổ chức để cán bộ, giảng viên, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng và phát triển chuyên môn	lượt		
	d) Tài trợ, quà tặng	triệu đồng		
	e) Các khoản thu hợp pháp khác	triệu đồng		

	f) Mức tăng thu nhập bình quân của CB	%		so với năm trước
V	TRUYỀN THÔNG			
5.1	Truyền thông			
	a) Số sự kiện PR được tổ chức	sự kiện		
	b) Số tin/ bài đăng trên website khác	tin/bài		
5.2	Hoạt động công tác đoàn và phong trào trọng tâm	CT	Các nội dung hoạt động cụ thể theo tháng	
5.3	Các hoạt động thiện nguyện	Số HĐ	10 - 15	
VI. ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG				
6.1	Kiểm định chất lượng			
	a) Báo cáo tự đánh giá đơn vị theo kiểm định của Bộ	BC		
	b) Số CTĐT được tự đánh giá (nội bộ) hướng tới kiểm định chất lượng theo AUN			
6.2	Khảo thí			
	Số ngân hàng câu hỏi thi tự luận	Ngân hàng	8	
	Ngân hàng câu hỏi thi tự luận cho đại học chính quy	Ngân hàng		
	Số bộ đề thi được xây dựng mới	Bộ đề		
6.3	Điều tra, khảo sát			
	a) Số cuộc điều tra khảo sát người học về hoạt động giảng dạy	Cuộc	4	
	b) Số cuộc điều tra khảo sát cựu sinh viên về việc làm	Cuộc	1	
	c) Số cuộc điều tra SV về cơ sở vật chất phục vụ học tập	Cuộc	1	

	d) Khảo sát bạn đọc về thư viện	%	1	
--	---------------------------------	---	---	--

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

4.1. Chỉ đạo việc phổ biến và quán triệt quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể nhằm đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm học tới tất cả các đơn vị, cán bộ, sinh viên của Trường.

4.2. Tiếp tục tạo dựng môi trường làm việc thuận lợi, phát huy tinh thần văn hoá cộng đồng và phát triển thương hiệu của nhà trường.

4.3. Hoàn thiện, xây dựng và thực hiện các đề án cụ thể để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, các đề án về phát triển nguồn nhân lực, đề án về tăng cường và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính, đề án về mở rộng và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của trường....

4.4. Tăng cường tính chuyên nghiệp của các phòng, ban và bộ phận trong trường từ đào tạo, NCKH, HTPT cho tới Website, Tạp chí, HCTH, KHTC...thông qua các khoá tự đào tạo và đào tạo tại chỗ...

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Kế hoạch nhiệm vụ năm học 2014 - 2015 được quán triệt tới tất cả các đơn vị, cán bộ, sinh viên của Trường Đại học Đại Nam.

5.2. Trường các Phòng/Ban/Bộ phận/ Khoa/ Trung tâm tổ chức triển khai thực hiện theo đúng lộ trình và sản phẩm cam kết.

5.3. Định kỳ hàng tháng/ quý/ năm các Phòng/ Bộ phận chức năng/Trung tâm gửi báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch theo mảng hoạt động đơn vị về Phòng Hành chính – Quản trị để tổng hợp báo cáo Hiệu trưởng.

5.4. Ban giám hiệu chỉ đạo quyết liệt, tổ chức và giám sát thực hiện dứt điểm từng nhiệm vụ, phấn đấu đạt chỉ tiêu KHNH đã đề ra.

5.5. Trong quá trình thực hiện KHNH năm học, nếu có vấn đề phát sinh, các đơn vị cần báo cáo Ban Giám hiệu kịp thời để chỉ đạo và giải quyết.

Nơi nhận:

- HĐQT, BGH (để b/c);
- Các Phó HT (chỉ đạo thực hiện);
- Các Khoa/ Trung tâm/ Phòng/ Ban/ Bộ phận (thực hiện);
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phan Trọng Phúc